

Số: /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng
tại Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030

Phần I
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA
VỀ DINH DƯỠNG GIAI ĐOẠN 2017 ĐẾN NAY

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và nỗ lực của ngành Y tế, sự tham gia tích cực của các ban, ngành và toàn xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe của người dân Thành phố. Nhiều mục tiêu của Kế hoạch Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng tại Thành phố đã đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, tỷ lệ thiếu năng lượng trưởng diễn của phụ nữ tuổi sinh đẻ duy trì ở mức thấp nhất trong cả nước. Tuy nhiên, Thành phố cũng đang phải đối diện với gánh nặng về sự gia tăng thừa cân béo phì, bệnh không lây nhiễm như tăng huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, ung thư...

Thực hiện Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2013 phê duyệt kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 và Kế hoạch số 3911/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2017-2020 của Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2013 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm 21 thành viên thuộc các sở, Ban ngành liên quan; Quyết định số 4063/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2014 ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng; Quyết định số 4126/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 kiện toàn Ban Chỉ đạo Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng và Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Thực trạng dinh dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi và học sinh vẫn duy trì ở mức thấp nhất trong cả nước: tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ dưới 5 tuổi giảm trong nhiều năm và dao động ở mức dưới 5% (4,8% năm 2022), thấp hơn so với kết quả toàn quốc năm 2020 là 11,5%. Suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi giảm từ 6,8% (năm 2017) xuống 6,6% (năm 2022), so với toàn quốc năm 2020 là 19,6%. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở học sinh 6 – 18 tuổi giảm từ 3,7% (năm 2014) xuống còn 2,8% (năm 2020), so với toàn quốc là 14,8%. Tỷ lệ thiếu năng lượng trưởng diễn ở phụ nữ tuổi sinh đẻ (15 – 49 tuổi) giảm từ 8,3% (năm 2018) xuống còn 6,7% (năm 2022).

- Hoạt động phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tập trung vào 3 vi chất dinh dưỡng phổ biến là vitamin A, sắt và i-ốt. Hiện nay, tỷ lệ thiếu vitamin A, thiếu máu ở phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em dưới 5 tuổi toàn quốc đã có nhiều cải thiện nhưng kết quả vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra. Theo kết quả điều tra toàn quốc đến năm 2020, tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi là 19,6%. Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai và không có thai lần lượt là 25,6% và 16,2%. Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em dưới 5 tuổi là 9,5%. Tỷ lệ vitamin A trong sữa mẹ thấp là 18,3%. Tại TP.HCM, từ năm 2017 đến nay, không có trường hợp thiếu vitamin A thể lâm sàng, tỷ lệ người dân sử dụng muối i-ốt, gia vị có bổ sung i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh là 86,4% (năm 2022) so với toàn quốc là 79,6% (năm 2020). Mức i-ốt niệu trung vị là 8,2 µg/dl chưa đạt mục tiêu Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2017-2020 là 10 µg/dl.

- Tình trạng thừa cân béo phì tiếp tục gia tăng ở mọi lứa tuổi: Tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ dưới 5 tuổi tăng từ 11,1% (năm 2017) lên 13,6% (năm 2022) so với toàn quốc là 11,1% (năm 2020). Tỷ lệ này rất cao ở lứa tuổi học đường tăng từ 41,4% (năm 2014) lên 43,4% (năm 2020) so với toàn quốc là 26,8% (năm 2020), cao nhất ở học sinh tiểu học chiếm tỷ lệ 56,9%. Thừa cân béo phì ở người trưởng thành 18 – 69 tuổi tại TP.HCM cũng chiếm tỷ lệ khá cao 37,1% (năm 2020) so với toàn quốc là 20,6% (19 – 64 tuổi, năm 2020).

- Sự gia tăng thừa cân béo phì kèm theo gia tăng các yếu tố nguy cơ gây bệnh không lây nhiễm như thói quen ăn mặn, ít rau và trái cây, thiếu vận động thể lực so với khuyến nghị. Kết quả điều tra năm 2020 ở người 18 – 69 tuổi tại TP.HCM cho thấy tỷ lệ ăn đủ rau, trái cây chỉ đạt 23% (toàn quốc 33%), thiếu hoạt động thể lực là 42,4% (toàn quốc 22,2%). Tỷ lệ đái tháo đường và tiền đái tháo đường lần lượt là 8,6% và 15,5% đạt so với mục tiêu Chiến lược là dưới 12% và dưới 35%. Tuy nhiên, tỷ lệ béo bụng lên đến 38,4% (chỉ tiêu dưới 30%) và triglycerid trong máu cao chiếm 50,8% (chỉ tiêu <40%).

- Khẩu phần của người dân đã có những cải thiện tích cực trên bình diện quốc gia. Về năng lượng trung bình trong khẩu phần đạt 2023 Kcal/ngày, tăng nhẹ so với mức năng lượng 1925 Kcal/ngày năm 2010. Cơ cấu năng lượng từ Protein, Lipid và Glucid là 15,8% : 20,2% : 64,0% (so với tổng năng lượng ăn vào), cơ cấu này được coi là cân đối theo khuyến nghị cho người Việt Nam.

- Công tác dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện được thực hiện qua các hoạt động theo Thông tư số 18/2020/TT-BYT ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam - Phần dinh dưỡng tiết chế (mục C7) do Bộ Y tế ban hành. Năm 2022, tỷ lệ bệnh viện có thành lập khoa/tổ dinh dưỡng đối với bệnh viện tuyến thành phố là 100% (đạt chỉ tiêu của CLQGDD), bệnh viện tuyến quận, huyện là 73% và bệnh viện tư nhân là 49%. 97% bệnh viện thực hiện phân loại và xác định chính xác nguy cơ suy dinh dưỡng của bệnh nhân khi nhập viện. Tuy nhiên, chỉ có 66% bệnh viện người bệnh được can thiệp dinh dưỡng dựa trên kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng. Tỷ lệ bệnh viện cung cấp suất ăn bệnh lý cho từng đối tượng người bệnh đạt 56%, thấp nhất là bệnh viện tư nhân 33%¹.

2. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2017 - 2020

Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 3911/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2017 thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2017-2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Y tế, các sở, ngành, chính quyền địa phương đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung của Chiến lược và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

- Đánh giá các mục tiêu của Chiến lược, Thành phố Hồ Chí Minh đã cơ bản đạt được các mục tiêu về giảm tình trạng thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ, trẻ em (giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân, suy dinh dưỡng thấp còi, tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ) trong nhiều năm qua và gần như thấp nhất cả nước. Hoạt động phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng được triển khai đồng bộ và hiệu quả, không còn trường hợp khô mắt do thiếu vitamin A trên lâm sàng, tỷ lệ phụ nữ mang thai và nữ sinh được bổ sung viên sắt đạt trên 90%. Tuy nhiên, Thành phố chưa khống chế được tỷ lệ thừa cân béo phì ở các đối tượng từ trẻ em cho đến người trưởng thành và sự gia tăng các yếu tố nguy cơ gây bệnh không lây nhiễm.

- Công tác dinh dưỡng - tiết chế tiếp tục được triển khai và hoạt động có hiệu quả hơn, đặc biệt tại các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến đầu của Thành phố: Tỷ lệ bệnh viện tuyến thành phố có khoa/tổ dinh dưỡng đạt chỉ tiêu của CLQGDD (100%), tỷ lệ này ở bệnh viện tư nhân còn thấp, đa số tập trung ở bệnh viện thẩm mỹ bệnh nhân đến điều trị trong ngày. Quy chuẩn sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh nằm viện tiếp tục thực hiện. Tỷ lệ bệnh viện cung cấp suất ăn bệnh lý cho từng đối tượng người bệnh còn thấp.

3. Khó khăn, thách thức

- Thành phố đang chịu tác động của quá trình đô thị hóa, môi trường thực phẩm thay đổi, việc tiếp cận thực phẩm và đồ uống không lành mạnh cũng tăng lên đáng kể cùng với các cửa hàng thực phẩm, đồ uống chế biến sẵn giá rẻ, góp phần làm gia tăng tình trạng thừa cân béo phì.

- Các can thiệp dinh dưỡng trong cộng đồng như dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời, dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và cho con bú, phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, dinh dưỡng trong bệnh không lây nhiễm... chưa được tiếp cận đến đông đảo các nhóm đối tượng đích và người dân.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở cộng đồng, trường học và bệnh viện còn thiếu cả về số lượng và năng lực do thiếu quy định về phát triển nguồn nhân lực, chuẩn hóa cán bộ làm công tác dinh dưỡng.

- Các can thiệp dinh dưỡng, khám tư vấn dinh dưỡng, suất ăn bệnh lý, các chế phẩm chuyên biệt và sản phẩm dinh dưỡng cho người bệnh chưa thuộc danh mục được bảo hiểm y tế chi trả.

- Công tác dinh dưỡng - tiết chế trong bệnh viện tuy đã được cải thiện đáng kể nhưng chưa đồng bộ và hiệu quả ở tất cả các bệnh viện.

PHẦN II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ DINH DƯỠNG TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM

- Mọi người dân đều có quyền tiếp cận công bằng với dinh dưỡng và thực phẩm để đạt được tình trạng dinh dưỡng tối ưu, góp phần nâng cao sức khỏe.

- Thực hiện dinh dưỡng hợp lý cần được duy trì thường xuyên trong suốt cuộc đời của mỗi người nhằm nâng cao sức khỏe bản thân, gia đình và góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng là trách nhiệm của các cấp, các ngành và mọi người dân.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong thời kỳ mới;

- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam”;

- Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1294/QĐ-BYT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Bộ Y tế về việc Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2025;

- Quyết định số 3452/QĐ-BYT ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn thực hiện nội dung cải thiện dinh dưỡng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2297/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Đề án Phát triển y tế cộng đồng thực hiện bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021- 2030;

- Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thực hiện dinh dưỡng hợp lý để giảm suy dinh dưỡng bền vững, hạn chế tình trạng thừa cân béo phì và kiểm soát có hiệu quả các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc, thể lực và trí lực của người dân Thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời, đặc biệt là nhóm đối tượng có nguy cơ cao, người bệnh.

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên.

- Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh không lây nhiễm, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành.

- Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ.
- Tăng cường nguồn lực thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng.

3. Chỉ tiêu

Mục tiêu 1: Thực hiện chế độ ăn đa dạng, hợp lý cho mọi lứa tuổi, mọi đối tượng theo vòng đời, đặc biệt là nhóm đối tượng có nguy cơ cao, người bệnh.

- Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng có chế độ ăn đúng, đủ đạt 65% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030¹.
- Tỷ lệ người trưởng thành tiêu thụ đủ số lượng rau quả hàng ngày đạt 55% vào năm 2025 và đạt 70% vào năm 2030.
- Tỷ lệ các trường học có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế đảm bảo dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm đạt 60% ở khu vực thành thị và 40% ở khu vực nông thôn vào năm 2025 và phấn đấu đạt 90% và 80% vào năm 2030.
- Tỷ lệ bệnh viện tổ chức thực hiện các hoạt động khám, tư vấn và điều trị bằng chế độ dinh dưỡng phù hợp với tình trạng dinh dưỡng, bệnh lý cho người bệnh đạt 90% đối với tuyến tỉnh; 75% đối với tuyến quận huyện vào năm 2025 và phấn đấu đạt 100% đối với tuyến tỉnh; 80% đối với tuyến quận huyện vào năm 2030.
- Tỷ lệ xã có triển khai tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, bà mẹ có con nhỏ dưới 2 tuổi trong gói dịch vụ y tế cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn thực hiện đạt 50% vào năm 2025 và đạt 75% vào năm 2030.

Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em và thanh thiếu niên.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi < 8% vào năm 2025 và < 7% vào năm 2030.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng gầy còm trẻ em dưới 5 tuổi giảm xuống < 5% vào năm 2025 và < 3% vào năm 2030.
- Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi theo giới tăng từ 2 – 2,5 cm đối với nam và 1,5 – 2 cm đối với nữ so với năm 2020.
- Tỷ lệ trẻ được bú mẹ sớm sau khi sinh đạt mức 75% vào năm 2025 và đạt 80% vào năm 2030.
- Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ đạt 50% vào năm 2025 và đạt 60% vào năm 2030.
- Tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh dưới 2.500gram < 8% vào năm 2025.

¹ Chỉ tiêu của Trung ương.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em 5 – 18 tuổi < 5% vào năm 2025.

Mục tiêu 3: Kiểm soát tình trạng thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh không lây nhiễm, các yếu tố nguy cơ có liên quan ở trẻ em, thanh thiếu niên và người trưởng thành.

- Kiểm soát tỷ lệ thừa cân béo phì: ở trẻ dưới 5 tuổi ở mức < 14%; ở trẻ 5 - 18 tuổi ở mức < 40%; ở người trưởng thành ở mức < 35% vào năm 2030.

- Lượng muối tiêu thụ trung bình của dân số (15-49 tuổi) giảm xuống < 8 gram/ngày vào năm 2025 và dưới 7 gram/ngày vào năm 2030.

Mục tiêu 4: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ.

- Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai giảm xuống dưới 22% vào năm 2030.
- Tỷ lệ thiếu Vitamin A tiền lâm sàng ở trẻ em 6-59 tháng tuổi giảm xuống dưới 7% vào năm 2030.
- Tỷ lệ thiếu kẽm huyết thanh ở trẻ em 6-59 tháng tuổi xuống giảm xuống dưới 40% vào năm 2030.
- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có i-ốt hằng ngày trên 90% vào năm 2030.

Mục tiêu 5: Tăng cường nguồn lực thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng.

- Thành phố có phân bổ ngân sách địa phương hàng năm bảo đảm cho các hoạt động dinh dưỡng theo kế hoạch được phê duyệt và duy trì đến năm 2030.
- Tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng thuộc lĩnh vực y tế dự phòng các tuyến được đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức về dinh dưỡng đạt $\geq 90\%$ tuyến quận huyện và $\geq 75\%$ tuyến phường xã.
- Tỷ lệ cán bộ làm công tác dinh dưỡng trong bệnh viện đáp ứng các yêu cầu, năng lực triển khai hoạt động dinh dưỡng theo quy định hiện hành đạt 50% đối với bệnh viện thành phố và quận huyện.

IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Giải pháp về chính sách

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp. Đẩy mạnh công tác truyền thông vận động, cung cấp thông tin về vai trò dinh dưỡng cho các cấp lãnh đạo, các cán bộ quản lý. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân các cấp và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong các hoạt động dinh dưỡng.
- Tăng cường công tác thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy định có liên quan; các chương trình, kế hoạch, đề án hỗ trợ cho hoạt động dinh dưỡng.

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ; Các tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện có liên quan đến dinh dưỡng; Đề án chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời; Chương trình sức khỏe học đường; Đề án nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

- Kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ các quy định của Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2021 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ; Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm; Thông tư số 18/2020/TT-BYT ngày 12/11/2020 của Bộ Y tế quy định về hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác dinh dưỡng nhằm bảo vệ các thực hành dinh dưỡng tối ưu (Nuôi con bằng sữa mẹ...). Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thực hiện các gói dịch vụ dinh dưỡng cơ bản tại tuyến phường xã, hộ gia đình nghèo.

2. Công tác phối hợp liên ngành và vận động xã hội

- Đưa chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi, gầy còm và thừa cân béo phì là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành về công tác dinh dưỡng, chú trọng việc lồng ghép, phối hợp với các chương trình, dự án có liên quan đến dinh dưỡng.

- Huy động các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia triển khai Chiến lược. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Chiến lược thông qua tài trợ cho các hoạt động dinh dưỡng; bảo đảm dinh dưỡng tại nơi làm việc; sản xuất các sản phẩm dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, thực hiện đúng các quy định về sản xuất và kinh doanh thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng.

3. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục dinh dưỡng

- Huy động các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân, cộng đồng, trường học, bệnh viện thực hiện truyền thông, tư vấn dưới nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao hiểu biết, thực hành dinh dưỡng hợp lý đặc biệt là phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi, thiếu vi chất dinh dưỡng, kiểm soát thừa cân - béo phì và các bệnh không lây nhiễm liên quan đến dinh dưỡng cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Nâng cao hiệu quả truyền thông, giáo dục, tư vấn về thực hành dinh dưỡng hợp lý theo vòng đời. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để hình thành lối sống, thói quen lành mạnh về dinh dưỡng hợp lý.

- Định kỳ hàng năm tổ chức các chiến dịch truyền thông do Bộ Y tế phát động: Ngày Vi chất dinh dưỡng (01/6 và 01/12), Tuần lễ thế giới Nuôi con bằng sữa mẹ (01-07/8), Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển (16-23/10). Tham gia hưởng ứng các chiến dịch truyền thông có liên quan: Ngày béo phì thế giới (04/3), Ngày

sức khỏe thể giới (07/4), Ngày thể giới phòng chống tăng huyết áp (17/5), Ngày đại tháo đường thể giới (14/11).

- Xây dựng các chương trình, video clip, sản xuất các ấn phẩm, tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe với hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng truyền thông, phát triển hình thức truyền thông đa phương tiện.

- Phối hợp với các báo, đài, mạng lưới truyền thông giáo dục sức khỏe để phổ biến các sản phẩm truyền thông giáo dục sức khỏe rộng rãi cho người dân.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng tại cộng đồng và bệnh viện bảo đảm tính bền vững, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách dinh dưỡng, và nhân viên y tế ở tuyến y tế cơ sở. Tổ chức các buổi học tập chia sẻ kinh nghiệm giữa các đơn vị trong việc thực hiện hoạt động dinh dưỡng.

- Đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, cán bộ y tế các trường bán trú, nội trú về xây dựng bữa ăn học đường phù hợp dinh dưỡng theo từng lứa tuổi.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội để tăng cường nguồn lực cho hoạt động dinh dưỡng.

5. Tổ chức triển khai hiệu quả các can thiệp dinh dưỡng

a. Cải thiện chất lượng bữa ăn, đảm bảo thực phẩm đa dạng, lành mạnh.

- Phổ biến về nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, tháp dinh dưỡng, lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, thực đơn, khẩu phần, chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho mọi đối tượng.

- Triển khai các quy định, hướng dẫn về nhãn thực phẩm, nhãn dinh dưỡng; tăng cường giáo dục, tư vấn cho người dân để tạo nhu cầu sử dụng thực phẩm đa dạng, lành mạnh, giàu dinh dưỡng.

- Triển khai các hướng dẫn bảo đảm chất lượng bữa ăn tại hộ gia đình.

b. Tăng độ bao phủ và nâng cao chất lượng các can thiệp dinh dưỡng thiết yếu

- Triển khai hiệu quả trong chăm sóc dinh dưỡng cho 1000 ngày đầu đời (chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý và tiếp tục bú mẹ cho trẻ em từ 6 đến 23 tháng).

- Theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ em; quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính nặng ở trẻ em dưới 6 tuổi; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho trẻ em và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ theo phác đồ của Bộ Y tế.

- Triển khai cung ứng các dịch vụ tư vấn, phục hồi dinh dưỡng, phòng chống thừa cân béo phì, dự phòng các bệnh không lây và các yếu tố nguy cơ có liên quan tại các tuyến. Tăng cường triển khai can thiệp dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề.

- Khuyến khích người dân sử dụng sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Triển khai hướng dẫn cải thiện tình trạng dinh dưỡng, bữa ăn tập thể của người lao động.

- Lồng ghép các dịch vụ dinh dưỡng với các chương trình khác như y tế, giáo dục, nông thôn mới, giảm nghèo để bảo đảm tăng nguồn lực đầu tư cho mọi đối tượng cần can thiệp.

c. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng học đường tại trường học

- Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục dinh dưỡng học đường, giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học.

- Truyền thông cho cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm có lợi và an toàn cho sức khỏe phòng, chống bệnh không lây nhiễm, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh. Đặc biệt quan tâm đến dinh dưỡng hợp lý cho lứa tuổi tiền dậy thì và dậy thì.

- Thực hiện hướng dẫn, tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và bảo đảm đa dạng thực phẩm (đối với các trường học có tổ chức bữa ăn học đường).

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh, thông tin cho cha mẹ học sinh về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

- Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ các trường học bán trú, nội trú về công tác xây dựng bữa ăn học đường đảm bảo theo quy định.

d. Thực hiện hoạt động dinh dưỡng tại bệnh viện

- Triển khai các hướng dẫn chuyên môn về dinh dưỡng điều trị, dinh dưỡng lâm sàng, tiết chế tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho bệnh nhân, người nhà bệnh nhân tại cơ sở khám chữa bệnh.

- Triển khai các quy định về dinh dưỡng trong bệnh viện như thực hiện tiêu chí dinh dưỡng và nuôi con bằng sữa mẹ trong Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

- Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng can thiệp về dinh dưỡng cho người bệnh theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện, thực hiện tiêu chí về nuôi con bằng sữa mẹ.

đ. Triển khai các nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm

- Nghiên cứu đánh giá biến động tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh và các giải pháp can thiệp. Nghiên cứu về thực trạng và can thiệp cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng. Nâng cao năng lực xét nghiệm liên quan đến dinh dưỡng và thực phẩm, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng.

- Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng các sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ cải thiện tình trạng dinh dưỡng, dự phòng và điều trị bệnh không lây nhiễm (ưu tiên đái tháo đường, thừa cân - béo phì).

e. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, tư vấn, thống kê, báo cáo về công tác dinh dưỡng

g. Thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá

- Cân, đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và học sinh theo định kỳ. Thực hiện giám sát số liệu tình trạng dinh dưỡng trẻ em 0-16 tuổi theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Duy trì điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em định kỳ hằng năm.

- Phối hợp triển khai các cuộc điều tra đánh giá tình trạng dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng quốc gia cũng như các cuộc điều tra chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, xây dựng chính sách, chương trình can thiệp dinh dưỡng phù hợp.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động các tuyến, liên ngành.

- Giám sát đánh giá tình trạng dinh dưỡng học đường cho các cấp học, người lao động.

V. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước.
- Nguồn do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả.
- Nguồn xã hội hóa.
- Nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi các đơn vị thuộc ngành y tế thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án can thiệp như thực hiện dinh dưỡng và khẩu phần hợp lý, cải thiện dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng học đường, dinh dưỡng cho người cao tuổi, dinh dưỡng ngành nghề, dinh dưỡng phòng chống yếu tố nguy cơ và bệnh không lây nhiễm, dinh dưỡng tiết chế tại bệnh viện; các chương trình, dự án về dinh dưỡng và an ninh thực phẩm khác.

- Đầu mối phối hợp theo dõi, giám sát tiến độ và kết quả triển khai Kế hoạch hành động Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng của Thành phố. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các Sở, ban ngành báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Y tế.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, tăng cường hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trong trường học.
- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong các hoạt động giáo dục, hướng dẫn thực hành về dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh.
- Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế tổ chức triển khai, thực hiện, giám sát các hoạt động về dinh dưỡng hợp lý trong trường học, bữa ăn học đường, an toàn thực phẩm, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, quản lý căn tin trường học, tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, đồ uống có đường và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học.
- Chỉ đạo, đẩy mạnh triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng hợp lý cho học sinh trong Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 và Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018- 2025.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật, gắn liền với mục tiêu về bảo đảm dinh dưỡng.
- Tăng cường lồng ghép triển khai các hoạt động liên quan đến dinh dưỡng cho trẻ em trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh tuyên truyền và chỉ đạo việc thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, lao động nữ đang mang thai, đang nuôi con nhỏ; lao động tại các khu công nghiệp, người lao động làm các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chủ trì triển khai kế hoạch của ngành theo giai đoạn và hàng năm nhằm đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm hộ gia đình đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng.
- Lồng ghép mục tiêu dinh dưỡng vào các chính sách về thực phẩm và nông nghiệp trong thực hiện chuyển đổi, phát triển hệ thống thực phẩm minh bạch, trách nhiệm, bền vững; trong các chương trình đang thực hiện như Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Chương trình không còn nạn đói.
- Vận động các hộ chăn nuôi và trồng trọt đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức các hoạt động truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý trên các kênh thông tin truyền thông.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Chiến lược lồng ghép với Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030 theo Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo lồng ghép hoạt động vận động thể lực và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý với phong trào quần chúng và hoạt động thể thao, văn hóa tại cộng đồng; tăng cường tuyên truyền về lợi ích của hoạt động thể dục thể thao quần chúng đối với sức khỏe.

- Tổ chức các chương trình hoạt động thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tầm vóc và phòng chống thừa cân béo phì, các bệnh không lây nhiễm.

7. Sở An toàn thực phẩm

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý các cơ sở sản xuất, phân phối, kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng trên địa bàn Thành phố.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức của người tiêu dùng, người quản lý, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trong vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm và thực hành đúng về an toàn thực phẩm.

- Ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng sự cố về an toàn thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm.

- Tiếp tục triển khai chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, các Chương trình, Dự án, Đề án, Kế hoạch liên quan đến thực phẩm nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm nông sản, thực phẩm từ tỉnh đưa về tiêu thụ trên địa bàn Thành phố và thực phẩm lưu thông trên thị trường.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, góp phần vào sự phát triển bền vững, ổn định và an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức đặt hàng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc thù về dinh dưỡng, thực phẩm và các hoạt động khác liên quan đến dinh dưỡng của Thành phố.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đưa mục tiêu dinh dưỡng vào kế hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Cân đối kinh phí để thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021-2030.

10. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định.

11. Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình Thành phố và các cơ quan truyền thông khác

Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan xây dựng các chuyên mục, chuyên đề về dinh dưỡng, tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài và nâng cao chất lượng tuyên truyền về dinh dưỡng.

12. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện. Đưa các mục tiêu chăm sóc dinh dưỡng vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và giai đoạn. Bố trí kinh phí để thực hiện mục tiêu của kế hoạch.

- Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030. Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức nghiêm túc triển khai các nội dung trong kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, các PCT;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND quận, huyện và TP Thủ Đức;
- VPUB: CVP, PVP/VX;
- Phòng VX;
- Lưu: VT (VX-MĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Anh Đức